

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Của: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐÔNG ĐÔ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2-4
Báo cáo kiểm toán	5
Báo cáo Tài chính riêng đã được kiểm toán gồm:	
Bảng cân đối kế toán riêng	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	12 - 32

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Hàng Hải Đông Đô theo Quyết định số 2315 ngày 30/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015196 ngày 25/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và đã được thay đổi lần 2 ngày 10/6/2009.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 19, Tháp Hòa Bình, số 106 Hoàng Quốc Việt, Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103015196 ngày 25/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và đã được thay đổi lần 2 ngày 10/6/2009, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Vận chuyển hàng hóa bằng đường thủy;
- Đại lý xăng dầu và vật tư kỹ thuật, sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng xe máy và các phương tiện thiết bị kỹ thuật thủy bộ khác;
- Đại lý hàng hóa;
- Kinh doanh xếp dỡ kho và bãi cảng;
- Kinh doanh thiết bị vật tư hàng hóa;
- Trục vớt cứu hộ;
- Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải;
- Tổ chức nạo vét vùng nước cảng và khu vực lân cận, kết hợp tận thu đất cát sản phẩm trong quá trình nạo vét;
- Khai thác vật liệu xây dựng các loại;
- Xây dựng các công trình dân dụng, kho tàng, bến bãi thuộc nhóm C;
- Xây lắp các cấu kiện công trình; Khai thác vật liệu xây dựng các loại;
- Xây dựng các công trình dân dụng, kho tàng, bến bãi thuộc nhóm C;
- Xây lắp các cấu kiện công trình;
- Thi công nền móng mặt bằng đường bộ, đào đắp, san lấp mặt bằng, tạo bãi và các dịch vụ xây dựng cơ bản khác;
- Đại lý môi giới và vận chuyển hàng hóa;
- Vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng và du lịch lữ hành;
- Cung ứng thuyền viên (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Đào tạo bổ sung, tu nghiệp định kỳ, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, kỹ năng cho thuyền viên.

Vốn điều lệ của Công ty là : 122.444.950.000 đồng (Một trăm hai mươi hai tỷ, bốn trăm bốn mươi bốn triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu tương đương 12.244.495 cổ phần

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lỗ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 70.436.330.516 VND (Lỗ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 849.847.333 VND)

Lỗ lũy kế tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 là 128.298.884.179 VND (Lỗ lũy kế tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 là 57.196.513.663 VND).

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Tạ Hòa Bình	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Quế Dương	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Bùi Minh Hưng	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Duy Luân	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Thế Hưng	Ủy viên HĐQT
Ông Trần Văn Nghi	Ủy viên HĐQT
Ông Đoàn Minh An	Ủy viên HĐQT

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Minh Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Luân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Nghi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Cao Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Lục	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Hoàng Thị Hồng Thái	Thành viên
Ông Nguyễn Như Dân	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đồ đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán ASC. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐÔNG ĐỒ
Tầng 19, Tháp Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, Hà Nội

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2013

TM. Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc



Bùi Minh Hưng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		37,874,909,880	53,493,865,856
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	496,324,261	18,293,369,987
1. Tiền	111		496,324,261	18,293,369,987
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02		
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu	130		18,031,328,943	19,648,721,836
1. Phải thu của khách hàng	131		6,210,585,324	6,590,707,060
2. Trả trước cho người bán	132		5,688,077,840	4,905,484,848
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		2,492,267,165	2,792,173,217
4. Phải thu theo tiến độ HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	4,246,803,282	5,535,290,229
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(606,404,668)	(174,933,518)
IV. Hàng tồn kho	140		13,696,346,127	11,748,446,295
1. Hàng tồn kho	141	V.04	13,696,346,127	11,748,446,295
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5,650,910,549	3,803,327,738
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		477,709,589	626,021,809
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3,205,136,095	841,127,522
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	1,991,866	1,991,866
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1,966,072,999	2,334,186,541
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,198,973,960,034	1,240,030,055,766
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		1,165,690,925,162	1,190,843,331,659
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	1,148,669,407,172	1,173,821,813,669
- Nguyên giá	222		1,475,420,256,962	1,476,201,138,526
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(326,750,849,790)	(302,379,324,857)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10		
- Nguyên giá	228		18,000,000	18,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(18,000,000)	(18,000,000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	17,021,517,990	17,021,517,990
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	31,955,899,302	42,984,110,160
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		59,800,000,000	59,800,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		(27,844,100,698)	(16,815,889,840)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1,327,135,570	6,202,613,947
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	251,705,570	5,127,183,947
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268		1,075,430,000	1,075,430,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,236,848,869,914	1,293,523,921,622

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1,280,094,900,178	1,271,726,227,337
I. Nợ ngắn hạn	310		280,568,976,579	332,507,643,040
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	29,269,656,274	129,967,142,376
2. Phải trả người bán	312		44,778,864,026	55,828,540,822
3. Người mua trả tiền trước	313		420,206,876	360,683,562
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	2,624,069,343	6,419,628,090
5. Phải trả công nhân viên	315		11,769,882,224	7,073,146,421
6. Chi phí phải trả	316	V.17	180,978,809,797	122,703,354,912
7. Phải trả nội bộ	317		373,551,251	231,393,176
8. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HẸXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	10,352,692,878	9,922,509,771
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1,243,910	1,243,910
II. Nợ dài hạn	330		999,525,923,599	939,218,584,297
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	998,691,924,477	934,613,506,584
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		833,999,122	4,605,077,713
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(43,246,030,264)	21,797,694,285
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	(43,246,030,264)	21,797,694,285
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		113,717,578,940	113,909,497,894
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4,621,485,000	4,621,485,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(30,000)	(30,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(42,590,147,467)	(48,840,712,388)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		6,202,644,961	6,202,644,961
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3,101,322,481	3,101,322,481
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(128,298,884,179)	(57,196,513,663)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430			
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431			
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,236,848,869,914	1,293,523,921,622

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
USD		2,178.25	267,556.26
EUR			
6. Dự toán chi hoạt động			

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

Trần Kim Ân

Kế toán trưởng

Đoàn Minh An

Tổng Giám đốc



Bùi Minh Hưng

